

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày 19 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

Ông Nguyễn Văn Độ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Thông báo số 05/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thu C, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thảo T, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu phố X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 03 tháng 11 năm 2022, bà C có cho bà Nguyễn Thảo T vay số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Khi vay tôi và bà T không có thỏa thuận lãi suất vay, bà T không trả tiền lãi cho bà C, bà T không thể chấp tài sản gì cho bà C cả. Thời hạn vay từ ngày 03 tháng 11 năm 2022 đến ngày 03 tháng 02 năm 2023. Số tiền bà C cho bà T là tiền cá nhân của bà C, bà

C cho cá nhân bà T vay. Giấy vay tiền do bà C viết, bà T ký tên vào Bên B – bên vay tiền. Chữ ký dấu lấn tay bên B là của bà Nguyễn Thảo T. Tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2023 bà T còn nợ bà C số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Do đó, bà C yêu cầu bà T trả cho bà C số tiền 180.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu bà T trả lãi.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 03 tháng 11 năm 2022;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ cho bị đơn bà T nhưng bà T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Nguyễn Thảo T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thu C về việc tranh chấp hợp vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thảo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Bùi Thu C khởi kiện bà Nguyễn Thảo T trả số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 03 tháng 11 năm 2022 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thảo T có nơi cư trú tại khu phố X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thảo T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thảo T theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 03 tháng 11 năm 2022, bà T vay của bà C số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng; lãi suất vay: không lãi; ngày đến hạn khoản vay là 03 tháng 02 năm 2023. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C yêu cầu bà T phải trả cho bà C số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bà T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà C đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, bà C khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 96, các Điều 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thu C đối với bị đơn bà Nguyễn Thảo T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thảo T có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thu C số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) nợ gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thu C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Bùi Thu C số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009687 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thảo T phải chịu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Thảo